TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 299/2024/DS-PT
Ngày: 04-7-2024
"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Thẩm phán:

1. Ông Hà Chí Quốc;

2. Bà Dương Thuý Hằng.

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Tấn Tài, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gọn, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 167/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2024/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 236/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn T2; địa chỉ trụ sở: Số H, đường P, Khu phố C, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của Công ty: Ông Nhâm Ngọc T, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ B, ấp P, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc T1, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp T, xã T, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông T1: Ông Võ Khắc C, sinh năm 1954; nơi cư trú: Tổ A, ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nhâm Ngọc T, sinh năm 1962; trú tại: Số H, đường P, Khu phố C, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người kháng cáo: bị đơn anh Nguyễn Quốc T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và anh L là người đại diện cho nguyên đơn trình bày: Ngày 14-10-2013, Doanh nghiệp tư nhân T3 Khánh nay chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 (gọi tắt là Công ty) cho anh T1 vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng; khi vay anh T1 đã ký "Biên bản nhận nợ" ghi ngày 14-10-2013; hai bên thỏa thuận: Anh T1 mua gỗ tràm tròn tại vườn bán lại cho Công ty theo quy cách: Bao bì 120: cắt phi 10=>28 giá 970.000 đồng/ster (đây là giá thỏa thuận bao tiêu trong 01 tháng từ 14-10-2013 đến 14-11-2013, thời hạn giao cây còn lại từ 15-11-2013 đến 31-12-2013 thì tính theo giá thị trường thời điểm giao). Anh T1 tính tổng thể lô vườn cây tràm tròn anh T1 dự định mua là 15 ha tương đương 2000 ster. Do đó anh T1 vay Công ty 200.000.000 đồng. Thời hạn anh T1 giao gỗ từ ngày 14-10-2013 đến ngày 31-12-2013. Mỗi tuần tổng hợp xe gỗ anh T1 giao cho Công ty, trừ 20.000.000 đồng vào ngày thứ hai hàng tuần. Số tiền 200.000.000 đồng doanh nghiệp ứng vốn cho anh T1 sẽ trừ 10 tuần là hết nợ.

Sau khi vay tiền, anh T1 không thực hiện cam kết đã thỏa thuận, không giao cây (gỗ), không trả tiền gốc và lãi. Công ty nhiều lần yêu cầu anh T1 trả tiền nhưng anh T1 đều xin thêm thời gian trả nợ. Do tin tưởng anh T1, Công ty nhiều lần gia hạn thời hạn trả nợ nhưng đến nay anh T1 vẫn chưa trả nợ gốc và tiền lãi vay.

Nay Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 yêu cầu anh Nguyễn Quốc T1 có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, Công ty không yêu cầu tính lãi.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn, ông C ***trình bày:*** Anh T1 không đồng ý trả Công ty số tiền 200.000.000 đồng, vì sau khi vay tiền của Công ty, trong thời gian khoảng 01 (một) đến 02 (hai) tháng anh T1 đã giao cây (gỗ) cho Công ty trừ nợ xong theo thỏa thuận giữa hai bên. Việc anh T1 giao cây cho Công ty không làm biên nhận. Tuy nhiên, tại báo cáo tài chính năm 2021-2022 và sổ chi tiết tài khoản thì tại mục trả trước cho người bán (mã số 132) là 0 đồng, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (mã số 122) là 0 đồng, mục người mua trả tiền trước (mã số 312) không có khoản nợ của anh T1 nghĩa là anh T1 không còn nợ Công ty.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 40/2024/DS-ST ngày 12-4-2024 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 đối với anh Nguyễn Quốc T1, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc anh Nguyễn Quốc T1 có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 số tiền 200.000.000 *(hai trăm triệu)* đồng.

Ghi nhận Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 25-4-2024, bị đơn anh Nguyễn Quốc T1 có đơn kháng cáo, yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm, vì anh T1 cho rằng anh T1 nợ Doanh nghiệp tư nhân T3 Khánh, không nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn T2.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C *là người đại diện hợp pháp cho anh* T1 *trình bày:* Anh T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

***- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh*:**

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Quốc T1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, xét kháng cáo của đương sự Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2. Tại cấp phúc thẩm, anh Nhâm Ngọc T là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn tự nguyện đồng ý tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm và xin được xét xử vắng mặt, anh T đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn anh T1 có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng; vì trước đây anh Nhâm Ngọc T là chủ Doanh nghiệp tư nhân T3 Khánh được chuyển đổi sang Công ty trách nhiệm hữu hạn T2; nên hai doanh nghiệp này là một chủ thể; nhận thấy, lời trình bày của anh Nhâm Ngọc T là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Quốc T1, yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án; vì anh T1 cho rằng anh T1 ký nhận nợ Doanh nghiệp tư nhân T3 K, nhưng buộc anh T1 trả nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn T2, nhận thấy:

2.1. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, có mã số doanh nghiệp: 3900371877 thể hiện đăng ký lần đầu: ngày 18-4-2006, đăng ký thay đổi lần thứ 6: ngày 09-3-2017, được

chuyển đổi từ Doanh nghiệp tư nhân T3 Khánh sang Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 và người đại diện theo pháp luật của Công ty vẫn là ông Nhâm Ngọc T (bút lục 03).

2.2. Tại cấp phúc thẩm, anh Nhâm Ngọc T có văn bản trình bày ý kiến việc anh T đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn anh Nguyễn Quốc T1 có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 số tiền còn nợ 200.000.000 đồng; vì Doanh nghiệp tư nhân T3 Khánh được chuyển đổi sang Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 nên hai doanh nghiệp này là một chủ thể; do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có phù hợp. Ngoài ra, người đại diện hợp pháp của anh T1 cho rằng anh T1 bán gỗ đã trừ hết nợ vay xong cho Công ty, nhưng anh T1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của anh T1; do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận lời trình bày của nguyên đơn là có cơ sở; nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên anh T1 phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Quốc T1.

3. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 40/2024/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

4. Áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

4.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 đối với anh Nguyễn Quốc T1, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

4.2. Buộc anh Nguyễn Quốc T1 có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 số tiền 200.000.000 *(hai trăm triệu)* đồng.

4.3. Ghi nhận Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 không yêu cầu tính lãi.

4.4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 K không phải chịu. Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 5.000.000 *(năm triệu)* đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014101 ngày 24-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

5.2. Buộc anh Nguyễn Quốc T1 phải chịu 10.000.000 *(mười triệu)* đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Quốc T1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0007693 ngày 07-5-2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Dương Minh Châu;
- CCTHADS huyện Dương Minh Châu;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Đương sự;
- Lưu tập QĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tuấn